

**CPA
HANOI**

AicA

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

kèm theo

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 * Fax: (84) 4 3974 5083

Email: cpahanoi@fpt.vn * Website: www.cpahanoi.com

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang số |
|--|----------|
| Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 5 - 6 |
| Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2017 | 7 - 8 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2017 | 9 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu năm 2017 | 10 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2017 | 11 - 33 |
| <i>Phụ lục số 01: Các khoản đầu tư tài chính</i> | 34 |
| <i>Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình</i> | 35 |
| <i>Phụ lục số 03: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i> | 36 |
| <i>Phụ lục số 04: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu</i> | 37 |
| <i>Phụ lục số 05: Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i> | 38 |
| <i>Phụ lục số 06: Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i> | 39 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316 đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Xây dựng 47:

Công ty Cổ phần Xây dựng 47 là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Xây dựng 47 theo Quyết định số 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258747, đăng ký lần đầu ngày 27/06/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp, đăng ký thay đổi lần 17 ngày 17/01/2017. Theo đó:

Vốn Điều lệ của Công ty: 170.201.300.000 đồng

(Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tỷ, hai trăm linh một triệu, ba trăm nghìn đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Trụ sở chính: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Công ty có các công ty con sau:

| Tên công ty | Địa chỉ |
|--|--|
| Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 76,35% | Xã Tây Phú, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 59,81% | Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định |

Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh của công ty:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác: Đại tu xe, máy thi công;
Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí, sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình;
- Bán buôn tổng hợp: Mua bán rượu, thuốc lá, hàng thủ công mỹ nghệ;
Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Dịch vụ massage;
- Điều hành tua du lịch: Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế, các dịch vụ du lịch khác;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học;
Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng, kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải khách bằng xe taxi, kinh doanh vận tải khách du lịch bằng ô tô;
Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội): Đại lý thu đổi ngoại tệ;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch: Tổ chức hội nghị, hội thảo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình;

- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất gạch không nung;
- Hoạt động viễn thông khác: Hoạt động của các điểm truy cập internet;
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô;
- Giáo dục nghề nghiệp: Dạy nghề;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lao động: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý rượu, bia, nước giải khát, đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo bao gồm:

A Hội đồng quản trị:

- | | |
|------------------------|-------------------|
| 1 Ông Nguyễn Lương Am | Chủ tịch HĐQT |
| 2 Ông Đinh Tấn Dương | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3 Ông Đặng Ngọc Căn | Thành viên HĐQT |
| 4 Ông Phan Thanh Lâm | Thành viên HĐQT |
| 5 Ông Phạm Văn Nho | Thành viên HĐQT |
| 6 Ông Phùng Văn Viễn | Thành viên HĐQT |
| 7 Ông Dương Minh Quang | Thành viên HĐQT |

B Ban Tổng Giám đốc:

- | | |
|------------------------|--|
| 1 Ông Dương Minh Quang | Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/06/2016) |
| 2 Ông Nguyễn Xuân Căn | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 Ông Đinh Tấn Dương | Phó Tổng Giám đốc |
| 4 Ông Huỳnh Khé | Phó Tổng Giám đốc |
| 5 Ông Phan Thanh Lâm | Phó Tổng Giám đốc |
| 6 Ông Trần Đình Liễn | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20/01/2016) |
| 7 Ông Nguyễn Văn Phúc | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20/01/2016) |
| 8 Ông Phạm Văn Nho | Kế toán trưởng |

2. Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPAHANOI).

3. Tại Báo cáo này Ban Tổng Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

- Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ kế toán tiếp theo.

Đại diện

Công ty Cổ phần Xây dựng 47



Tổng Giám đốc

Dương Minh Quang

TP. Quy Nhơn, ngày 28 tháng 07 năm 2017



Số: 255 /CPAHANOI – BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng 47 được lập ngày 28/07/2017 từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng 47 chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo soát xét được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Xây dựng 47 giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2017.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tĩnh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Số: 0132-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1.342.347.456.719 | 1.311.452.944.755 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 26.843.427.796 | 16.483.147.337 |
| 1. Tiền | 111 | V.01 | 26.843.427.796 | 16.483.147.337 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 1.141.688.100 | - |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.02 | 1.141.688.100 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 438.273.534.115 | 440.142.882.061 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.03a | 337.841.086.458 | 301.060.274.134 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.04 | 43.687.772.105 | 89.104.763.606 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.05a | 62.334.675.552 | 55.565.393.973 |
| 4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*) | 137 | V.06 | (5.590.000.000) | (5.590.000.000) |
| 5. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | V.07 | - | 2.450.348 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.08 | 867.873.926.487 | 845.371.493.229 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 867.873.926.487 | 845.371.493.229 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 8.214.880.221 | 9.455.422.128 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.14a | - | 72.751.719 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | V.09 | 5.366.997.871 | 6.184.153.065 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.17b | 2.847.882.350 | 3.198.517.344 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 961.396.147.635 | 947.154.540.892 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 1.998.200.379 | 1.963.998.007 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | V.03b | 232.001.040 | 232.001.040 |
| 2. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.05b | 1.766.199.339 | 1.731.996.967 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 865.648.913.091 | 868.363.397.498 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 854.304.120.074 | 857.018.604.481 |
| - Nguyên giá | 222 | | 1.521.173.236.855 | 1.468.801.126.619 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (666.869.116.781) | (611.782.522.138) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 11.344.793.017 | 11.344.793.017 |
| - Nguyên giá | 228 | | 12.091.730.290 | 12.091.730.290 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | (746.937.273) | (746.937.273) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 29.641.836.941 | 23.163.787.843 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.12 | 29.641.836.941 | 23.163.787.843 |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.13 | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 24.107.197.224 | 13.663.357.544 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.14b | 24.107.197.224 | 13.636.066.950 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | 27.290.594 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 2.303.743.604.354 | 2.258.607.485.647 |

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của BCTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

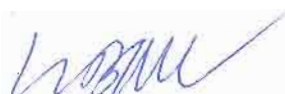
| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 2.003.824.107.476 | 1.964.998.076.499 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.239.753.957.268 | 1.301.649.940.336 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.15 | 316.043.929.080 | 410.396.281.066 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.16a | 36.400.664.181 | 22.620.254.448 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.17a | 940.409.833 | 29.953.980 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 92.434.067.363 | 42.823.041.263 |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.18 | 41.614.770.448 | 73.910.293.558 |
| 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.19a | 750.528.121.051 | 750.011.597.676 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 1.791.995.312 | 1.858.518.345 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 764.070.150.208 | 663.348.136.163 |
| 1. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | V.16b | 284.000.000.000 | 284.000.000.000 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.19b | 478.220.516.320 | 377.307.632.374 |
| 3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | 1.849.633.888 | 2.040.503.789 |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 299.919.496.878 | 293.609.409.148 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 299.919.496.878 | 293.609.409.148 |
| 1. Vốn góp chủ sở hữu | 411 | V.20 | 170.201.300.000 | 170.201.300.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 170.201.300.000 | 170.201.300.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 32.680.208.094 | 32.680.208.094 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 43.024.372.571 | 42.968.124.838 |
| 5. Lợi nhuận chưa phân phối | 421 | | 21.485.032.769 | 15.721.453.344 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 15.406.853.001 | - |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 6.078.179.768 | 15.721.453.344 |
| 6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 429 | | 32.528.583.444 | 32.038.322.872 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 2.303.743.604.354 | 2.258.607.485.647 |

TP. Quy Nhơn, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hồ Đình Phong



Phạm Văn Nho



Dương Minh Quang

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của BCTC)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P. Ngõ Mây, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho kỳ hoạt động
 từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

Đơn vị tính: đồng

| Số TT | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Quý 2 | | Lũy kế đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|--------------------------------|-----------------|
| | | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| | | | | 4 | 5 | | |
| 1. | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 | VI.01 | 259.904.242.859 | 417.268.382.650 | 513.857.721.891 | 729.817.180.170 |
| 2. | Các khoản giảm trừ | 2 | VI.02 | 11.542.657 | 10.789.514 | 22.851.400 | 18.675.528 |
| 3. | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV | 10 | VI.03 | 259.892.700.202 | 417.257.593.136 | 513.834.870.491 | 729.798.504.642 |
| 4. | Giá vốn hàng bán | 11 | VI.04 | 208.138.202.900 | 370.312.291.145 | 427.145.748.192 | 640.330.507.035 |
| 5. | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV | 20 | | 51.754.497.302 | 46.945.301.991 | 86.689.122.299 | 89.467.997.607 |
| 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.05 | 3.637.700.305 | 1.768.377.785 | 3.650.467.048 | 2.300.598.944 |
| 7. | Chi phí tài chính | 22 | VI.06 | 41.963.535.925 | 29.188.459.481 | 63.162.504.638 | 57.213.136.366 |
| | - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 38.400.241.299 | 26.430.884.831 | 57.703.824.752 | 53.424.141.492 |
| 8. | Phân lãi hoặc lỗ trong Cty LD, LK | 24 | | - | - | - | - |
| 9. | Chi phí bán hàng | 25 | | - | - | - | - |
| 10. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.07 | 10.437.520.443 | 9.590.415.611 | 19.479.389.802 | 18.552.991.609 |
| 11. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 2.991.141.239 | 9.934.804.684 | 7.697.694.907 | 16.002.468.576 |
| 12. | Thu nhập khác | 31 | VI.08 | 154.299.064 | 56.641.084 | 246.609.239 | 6.842.097.444 |
| 13. | Chi phí khác | 32 | VI.09 | 731.491.763 | 146.905.122 | 1.167.866.704 | 7.139.089.447 |
| 14. | Lợi nhuận khác | 40 | | (577.192.699) | (90.264.038) | (921.257.465) | (296.992.003) |
| 15. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 2.413.948.540 | 9.844.540.646 | 6.776.437.442 | 15.705.476.573 |
| 16. | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.10 | (243.210.292) | 1.704.942.022 | 533.466.458 | 3.309.677.234 |
| 17. | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | VI.11 | (36.888.591) | 1.109.988.203 | (151.513.111) | 634.717.587 |
| 18. | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 2.694.047.423 | 7.029.610.421 | 6.394.484.095 | 11.761.081.752 |
| 19. | Lợi nhuận sau thuế của Cty mẹ | 61 | | 2.514.246.310 | 7.807.349.818 | 5.778.935.435 | 13.951.859.595 |
| 20. | Lợi nhuận sau thuế của CĐ không kiểm soát | 62 | | 179.801.113 | (777.739.397) | 615.548.660 | (2.190.777.843) |
| 21. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.12 | 148 | 651 | 340 | 980 |
| 22. | Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | | | | | |

Người lập biểu



Hồ Đình Phong

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho



Đương Minh Quang

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của BCTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/ 2017

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Mã số | Lũy kế đến cuối quý này | |
|--|-----------|--------------------------|-------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | 574.872.973.767 | 872.526.927.337 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ | 02 | (437.580.175.487) | (589.947.307.031) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (4.136.071.764) | (86.466.007.624) |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | 04 | (57.687.871.769) | (57.213.136.366) |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | - | (2.733.447.951) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 45.472.233.607 | 76.224.811.599 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | (67.626.596.551) | (164.939.488.678) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 53.314.491.803 | 47.452.351.286 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (147.262.699.858) | (64.902.362.055) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 203.835.486 | 3.150.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (1.660.000.000) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 693.699.259 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 3.641.546.448 | 554.049.494 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (144.383.618.665) | (61.198.312.561) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | - |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành | 32 | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | 435.693.264.859 | 633.225.555.154 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (334.263.857.538) | (637.905.091.696) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính | 35 | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 101.429.407.321 | (4.679.536.542) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | 10.360.280.459 | (18.425.497.817) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 16.483.147.337 | 28.399.058.563 |
| ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ | 61 | | |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 26.843.427.796 | 9.973.560.746 |

TP. Quy Nhơn, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Hồ Đình Phong

Phạm Văn Nho

Dương Minh Quang

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của BCTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Xây dựng 47 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Xây dựng 47 theo Quyết định số 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258747, đăng ký lần đầu ngày 27/06/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp, đăng ký thay đổi lần 17 ngày 17/01/2017. Theo đó:

Vốn điều lệ: 170.201.300.000 VND (Một trăm bảy mươi tỷ, hai trăm linh một triệu, ba trăm nghìn đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Trụ sở chính: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

2. Lĩnh vực hoạt động: Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, dịch vụ, kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác: Đại tu xe, máy thi công;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí, sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình;
- Bán buôn tổng hợp: Mua bán rượu, thuốc lá, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao): Dịch vụ massage;
- Điều hành tua du lịch: Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế, các dịch vụ du lịch khác;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng, kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải khách bằng xe taxi, kinh doanh vận tải khách du lịch bằng ô tô;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội): Đại lý thu đổi ngoại tệ;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch: Tổ chức hội nghị, hội thảo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất gạch không nung;
- Hoạt động viễn thông khác: Hoạt động của các điểm truy cập internet;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô;
 - Giáo dục nghề nghiệp: Dạy nghề;
 - Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình đường bộ;
 - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lao động: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- 4. Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường:** chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.
- Đối với hoạt động xây lắp: Chu kỳ hoạt động kinh doanh theo từng hợp đồng xây dựng.
 - Đối với hoạt động kinh doanh khác: chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Danh sách các công ty con được hợp nhất:

| Tên công ty | Địa chỉ |
|--|--|
| Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 76,35% | Xã Tây Phú, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 59,81% | Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định |

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đ).

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Xây dựng 47 tuyên bố Báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính:

1 Ước tính kế toán:

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

2 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty do Công ty cổ phần Xây dựng 47 kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty cổ phần Xây dựng 47 có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty cổ phần Xây dựng 47 và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3 Trình tự và phương pháp hợp nhất:

Hợp cộng các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty mẹ và công ty con;

Loại trừ toàn bộ giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ trong từng công ty con, phần tài sản thuần của công ty mẹ nắm giữ trong vốn chủ sở hữu của công ty con và ghi nhận lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ (nếu có).

Phân bổ lợi thế thương mại;

Tách lợi ích cổ đông không kiểm soát;

Loại trừ toàn bộ các giao dịch nội bộ trong toàn công ty;

Lập bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh và bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất;

Lập Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ vào Bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất sau khi đã được điều chỉnh và loại trừ cho các giao dịch phát sinh trong nội bộ tập đoàn.

Đối với các chỉ tiêu về tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí được trình bày như đã trình bày ở báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và công ty con có điều chỉnh những yếu tố sau khi hợp nhất:

Doanh thu, giá vốn, lãi và công nợ nội bộ;

Vốn đầu tư của công ty mẹ tương ứng phần vốn chủ sở hữu công ty con;

Lợi ích cổ đông không kiểm soát;

Các chỉ tiêu khác theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4. Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Đối với chứng khoán kinh doanh: Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời). Thời điểm ghi nhận là thời điểm chính thức có quyền sở hữu, đối với chứng khoán niêm yết thời điểm ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc.

Cuối niên độ kế toán, chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá cho từng loại chứng khoán nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng;

Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng;

Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng;

Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng;

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản ngoài chứng khoán kinh doanh như các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài dưới các hình thức:

- Đầu tư dưới hình thức góp vốn vào đơn vị khác (do bên được đầu tư huy động vốn);
- Đầu tư dưới hình thức mua lại phần vốn góp tại đơn vị khác (mua lại phần vốn của chủ sở hữu)

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá trị hợp lý.

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết là thời điểm chính thức có quyền sở hữu.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được xác định giá trị tổn thất tại thời điểm lập Báo cáo tài chính để trích lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết khi các công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Tuy nhiên, các công ty con, công ty liên kết của công ty đều không bị lỗ hay đang trong giai đoạn đầu tư nên công ty không phải trích lập dự phòng tổn thất.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định theo giá gốc.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Phải thu của khách hàng: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ.

Phải thu nội bộ: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với đơn vị cấp dưới hoặc giữa các đơn vị cấp dưới trực thuộc.

Phải thu khác: phản ánh các khoản nợ phải thu ngoài phạm vi đã phản ánh ở phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu này.

Các khoản phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán.

Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Thông tư 89/2013 TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.

50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.

70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.

100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 03 năm trở lên.

8. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

- * Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở tỉ lệ sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cho hầu hết hàng tồn kho, duy nhất áp dụng kiểm kê định kỳ đối với nguyên liệu, công cụ tại bộ phận dịch vụ khách sạn..

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

9. Nguyên tắc kế toán TSCĐ và khấu hao TSCĐ:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình:

- Tài sản cố định ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình hoạt động tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chi tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung kèm theo. Số năm khấu hao của các tài sản cố định như sau:

| Loại tài sản | Thời gian KH |
|------------------------|--------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 50 năm |
| Máy móc thiết bị | 05 - 20 năm |
| Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| Thiết bị quản lý | 03 - 10 năm |
| Phần mềm vi tính | 03 - 08 năm |

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

10. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

- Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh, bao gồm:
 - + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
 - + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
 - + Các khoản chi phí trả trước khác có phát sinh lớn mà theo xét đoán của ban lãnh đạo doanh nghiệp thì cần thiết được phân bổ cho nhiều kỳ kế toán.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối-tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả...

Phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác:

Phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả, nếu:

· Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.

· Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả bán có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ được quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.
- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.
- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả gồm lãi vay, lãi trái phiếu trả sau, chi phí công trình, chi phí phải trả khác. Chi phí của các công trình xây dựng và tư vấn thiết kế đã có trong dự toán thực tế phát sinh nhưng chưa tập hợp đủ hồ sơ, tài liệu do các công trình xây dựng ở xa, nằm rải rác trên nhiều địa bàn được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Cơ sở xác định giá trị chi phí phải trả của các công trình xây dựng là giá trị công trình tạm tính hoặc biên bản tạm xác định khối lượng, cơ sở xác định giá trị chi phí phải trả của hoạt động tư vấn thiết kế căn cứ theo hợp đồng và phần công việc hoàn thành. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác:

Doanh thu trong năm của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, doanh thu bán vật tư, dịch vụ khách sạn nhà hàng và doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu từng lần hoặc theo phiếu giá thanh toán, quyết toán của từng hạng mục công việc hoàn thành hoặc toàn bộ công trình xây lắp, hoá đơn tài chính, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

Thu nhập khác: các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hoạt động xây lắp được xác định đối với từng hợp đồng, công trình xây dựng riêng biệt và tương ứng với doanh thu trong kỳ, chi phí của từng hợp đồng, công trình đã được ghi nhận. Cụ thể:

Đối với các công trình cuối kỳ đã hoàn thành, bàn giao, doanh thu lũy kế đã hạch toán hết theo tổng giá trị nghiệm thu thanh toán thì giá vốn kết chuyển trong kỳ bằng toàn bộ chi phí lũy kế đã được ghi nhận (không còn chi phí dở dang).

Đối với các công trình cuối kỳ chưa hoàn thành hoặc hoàn thành nhưng chưa có quyết toán, thanh lý hợp đồng thì giá vốn trong kỳ được xác định trên cơ sở chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phát sinh trong kỳ, tỷ lệ doanh thu ghi nhận trong kỳ với sản lượng dở dang đầu kỳ cộng sản lượng thực hiện trong kỳ.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng:

Chi phí của hợp đồng xây dựng gồm: Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí tài chính: Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong kỳ hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

21. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | <i>Đơn vị tính: đồng</i> | |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| I. Tiền | | |
| Tiền mặt | 13.091.679.366 | 8.116.963.187 |
| Tiền gửi ngân hàng | 13.751.748.430 | 8.366.184.150 |
| Cộng | <u><u>26.843.427.796</u></u> | <u><u>16.483.147.337</u></u> |
| 2. Đầu tư tài chính ngắn hạn <Chi tiết tại phụ lục số 01> | | |
| 3. Phải thu của khách hàng | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn | 337.841.086.458 | 301.060.274.134 |
| <i>Công ty Cổ phần Xây dựng 47</i> | 333.252.541.313 | 301.046.470.134 |
| Công trình Trung Sơn | 82.916.842.491 | 111.180.847.416 |
| Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh | 30.124.698.213 | 25.089.042.698 |
| Công trình Sông Bung 5 | 89.342.887.744 | 33.216.137.676 |
| Công trình Sêrêpôk 4A | 23.559.253.370 | 39.959.253.370 |
| Phải thu khách hàng khác | 107.308.859.495 | 91.601.188.974 |
| <i>Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ</i> | 20.555.500 | 13.804.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong</i> | 4.567.989.645 | - |
| b. Phải thu của khách hàng dài hạn | 232.001.040 | 232.001.040 |
| <i>Công ty Cổ phần Xây dựng 47</i> | 232.001.040 | 232.001.040 |
| Công trình Đồng Cam (kênh) | 80.000.000 | 80.000.000 |
| Công trình Suối Bèo | 63.230.000 | 63.230.000 |
| Công ty Xây dựng & Phát triển Hạ tầng | 51.000.000 | 51.000.000 |
| Phải thu khách hàng khác | 37.771.040 | 37.771.040 |
| <i>Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ</i> | - | - |
| <i>Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong</i> | - | - |
| c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan | | |
| Cộng | <u><u>338.073.087.498</u></u> | <u><u>301.292.275.174</u></u> |
| 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Công ty Cổ phần Xây dựng 47 | 43.310.832.605 | 88.728.897.606 |
| Công ty TNHH CAVICO Việt Nam | 5.590.321.000 | 5.590.321.000 |
| Ngô Ngọc Xuân Kiều | 5.241.584.098 | 5.241.584.098 |
| Công ty CP Cơ giới & Xây lắp số 10 | 5.496.925.192 | 5.530.030.879 |
| Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Hạnh Châu | 4.413.834.107 | 3.472.299.950 |
| Robbins China | - | 35.988.045.215 |
| Trả trước cho khách hàng khác | 22.568.168.208 | 32.906.616.464 |
| <i>Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ</i> | 139.939.500 | 13.464.500 |
| <i>Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong</i> | 237.000.000 | 362.401.500 |
| Cộng | <u><u>43.687.772.105</u></u> | <u><u>89.104.763.606</u></u> |

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

5. Phải thu khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a. Ngắn hạn | 62.334.675.552 | - | 55.565.393.973 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Xây dựng 47</i> | <i>60.874.870.594</i> | <i>-</i> | <i>54.054.817.170</i> | <i>-</i> |
| Tạm ứng | 32.151.012.499 | - | 27.682.359.117 | - |
| Các khoản phải thu khác | 28.723.858.095 | - | 26.372.458.053 | - |
| <i>Lương ốm</i> | <i>968.653.388</i> | <i>-</i> | <i>968.653.388</i> | <i>-</i> |
| <i>Công ty Cổ phần LiLaMa 45.1</i> | <i>586.277.147</i> | <i>-</i> | <i>586.277.147</i> | <i>-</i> |
| <i>Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ</i> | <i>16.414.879.000</i> | <i>-</i> | <i>16.414.879.000</i> | <i>-</i> |
| <i>Cổ tức nhận được do đầu tư</i> | <i>-</i> | <i>-</i> | <i>2.468.400.000</i> | <i>-</i> |
| Các khoản phải thu khác | 10.754.048.560 | - | 5.934.248.518 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ</i> | <i>1.073.096.017</i> | <i>-</i> | <i>1.075.848.217</i> | <i>-</i> |
| <i>Công ty CP Thủy điện Văn Phong</i> | <i>386.708.941</i> | <i>-</i> | <i>434.728.586</i> | <i>-</i> |
| b. Dài hạn | 1.766.199.339 | - | 1.731.996.967 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Xây dựng 47</i> | <i>1.766.199.339</i> | <i>-</i> | <i>1.731.996.967</i> | <i>-</i> |
| Ký cược ký quỹ dài hạn | 1.766.199.339 | - | 1.731.996.967 | - |
| Cộng | 64.100.874.891 | - | 57.297.390.940 | - |

6. Nợ xấu trích lập dự phòng

| | Số dự phòng cuối kỳ | Số trích thêm trong kỳ | Số hoàn nhập trong kỳ | Số dự phòng đầu năm |
|---------------------------|---------------------|------------------------|-----------------------|---------------------|
| Dự phòng phải thu khó đòi | (5.590.000.000) | - | - | (5.590.000.000) |

| Chi tiết trích lập dự phòng theo đối tượng | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty TNHH CAVICO Việt Nam | 5.590.321.000 | 321.000 | 5.590.321.000 | 321.000 |
| Cộng | 5.590.321.000 | 321.000 | 5.590.321.000 | 321.000 |

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------|------------|------------------|
| Tài sản khác | - | 2.450.348 |
| Cộng | - | 2.450.348 |

8. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 54.784.100.670 | - | 57.473.541.810 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 226.055.084 | - | 250.365.960 | - |
| Chi phí SX, KD dở dang | 812.400.000.000 | - | 786.793.953.354 | - |
| Hàng hóa | 463.770.733 | - | 853.632.105 | - |
| Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho | 867.873.926.487 | - | 845.371.493.229 | - |

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả: không.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

cho kỳ hoạt động
 từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

| 9. Tài sản khác | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------|----------------------|----------------------|
| <i>Ngắn hạn</i> | 5.366.997.871 | 6.184.153.065 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 5.366.997.871 | 6.184.153.065 |
| <i>Dài hạn</i> | - | - |
| Cộng | 5.366.997.871 | 6.184.153.065 |

10. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 02>

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm quản lý | Tổng cộng |
|-------------------------------|-------------------|------------------|----------------|
| Nguyên giá | | | |
| <i>Số dư đầu năm</i> | 11.344.793.017 | 746.937.273 | 12.091.730.290 |
| Tăng trong kỳ | - | - | - |
| Giảm trong kỳ | - | - | - |
| <i>Số dư cuối kỳ</i> | 11.344.793.017 | 746.937.273 | 12.091.730.290 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| <i>Số dư đầu năm</i> | - | 746.937.273 | 746.937.273 |
| Khấu hao trong kỳ | - | - | - |
| Giảm trong kỳ | - | - | - |
| <i>Số dư cuối kỳ</i> | - | 746.937.273 | 746.937.273 |
| Giá trị còn lại | | | |
| <i>Số dư đầu năm</i> | 11.344.793.017 | - | 11.344.793.017 |
| <i>Số dư cuối kỳ</i> | 11.344.793.017 | - | 11.344.793.017 |

12. Chi phí XDCB dở dang

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Kho xưởng Phước An | 2.596.756.591 | 2.014.066.711 |
| Nhà máy gạch Phước Thành | 11.106.470.612 | 8.780.661.003 |
| Dự án 105 Tây Sơn | 10.617.683.197 | 8.863.080.178 |
| Dự án Khu sinh thái Hồ Định Bình | 3.041.794.343 | 3.022.280.218 |
| Vườn rau Măng Đen | 1.920.108.703 | - |
| Tòa nhà 11 Biên Cương | 359.023.495 | 483.699.733 |
| Cộng | 29.641.836.941 | 23.163.787.843 |

13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác <Chi tiết tại phụ lục số 01>

14. Chi phí trả trước

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|----------------|----------------|
| <i>a. Ngắn hạn</i> | - | 72.751.719 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ | - | 72.751.719 |
| <i>b. Dài hạn</i> | 24.107.197.224 | 13.636.066.950 |
| Kho mìn công trường Tân Mỹ | 14.166.669 | 28.333.335 |
| GPMB xưởng sửa chữa xe máy Phước An | 5.485.811.100 | 5.542.678.100 |
| GPMB Nhà máy gạch Phước Thành | 1.431.531.000 | 1.431.531.000 |
| Hầm TBM thượng KonTum | 2.768.541.902 | 5.537.083.802 |
| Cửa nhận nước hầm TBM KonTum | 316.674.717 | 633.349.435 |

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

| | | | | |
|---|------------------------|------------------------------|------------------------|------------------------------|
| Ray California - Đa Nhim | | | 13.337.779.544 | - |
| Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ | | | 454.755.939 | 463.091.278 |
| Khách sạn Hải Âu | | | 297.936.353 | - |
| Cộng | | | 24.107.197.224 | 13.708.818.669 |
| 15. Phải trả người bán | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | |
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a. Phải trả người bán ngắn hạn | | | | |
| <i>Công ty Cổ phần Xây dựng 47</i> | 316.043.929.080 | 316.043.929.080 | 410.396.281.066 | 410.396.281.066 |
| Cty CP ĐTPT TM Hợp Nhất | 309.093.198.823 | 309.093.198.823 | 399.527.966.857 | 399.527.966.857 |
| Công ty TNHH TMDV Tân Trường | 42.938.342.559 | 42.938.342.559 | 38.142.545.581 | 38.142.545.581 |
| Công ty TNHH MXD Vi Trác | 45.486.523.428 | 45.486.523.428 | 51.661.589.656 | 51.661.589.656 |
| Công ty TNHH MXD Vi Trác | 26.129.184.653 | 26.129.184.653 | 89.729.733.599 | 89.729.733.599 |
| Phải trả người bán về hoạt động khác | 194.539.148.183 | 194.539.148.183 | 219.994.098.021 | 219.994.098.021 |
| <i>Công ty Cổ phần du lịch Hàm Hồ</i> | 63.514.631 | 63.514.631 | 64.099.611 | 64.099.611 |
| <i>Công ty Cổ phần thủy điện Văn Phú</i> | 6.887.215.626 | 6.887.215.626 | 10.804.214.598 | 10.804.214.598 |
| b. Phải trả người bán dài hạn | - | - | - | - |
| c. Phải trả người bán là các bên liên quan | - | - | - | - |
| Cộng | 316.043.929.080 | 316.043.929.080 | 410.396.281.066 | 410.396.281.066 |
| 16. Người mua trả tiền trước | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| a. Ngắn hạn | | | | |
| <i>Công ty Cổ phần Xây dựng 47</i> | | | 36.400.664.181 | 22.620.254.448 |
| Công trình Thượng Kon Tum | | | 36.372.741.181 | 22.617.236.448 |
| Công trình Cửa Nhận Nước | | | 30.124.698.213 | - |
| Công trình Đường Hàm TBM | | | 5.134.736.940 | - |
| Phải trả cho các đối tượng khác | | | - | 19.139.576.738 |
| <i>Công ty Cổ phần du lịch Hàm Hồ</i> | | | 1.113.306.028 | 3.477.659.710 |
| <i>Công ty Cổ phần thủy điện Văn Phong</i> | | | 27.923.000 | 3.018.000 |
| b. Dài hạn | | | | |
| <i>Công ty Cổ phần Xây dựng 47</i> | | | 284.000.000.000 | 284.000.000.000 |
| Công trình Đa Nhim | | | 284.000.000.000 | 284.000.000.000 |
| Công trình Đường Hàm TBM | | | 117.000.000.000 | 117.000.000.000 |
| Công trình Cửa Nhận Nước | | | 130.000.000.000 | 130.000.000.000 |
| <i>Công ty Cổ phần du lịch Hàm Hồ</i> | | | 37.000.000.000 | 37.000.000.000 |
| <i>Công ty Cổ phần thủy điện Văn Phong</i> | | | - | - |
| Cộng | | | 320.400.664.181 | 306.620.254.448 |

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước <Xem chi tiết tại phụ lục số 03>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mỹ, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

18. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Xây dựng 47 | 41.491.787.131 | 73.910.293.558 |
| Tài sản thừa chờ giải quyết | 29.127.609 | - |
| Kinh phí công đoàn | 4.465.339.727 | 4.293.177.727 |
| BHXH, BHYT, BHTN | 15.891.794.938 | 8.250.833.769 |
| Phải trả về cổ phần hóa | 130.705.324 | 130.705.324 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 20.974.819.533 | 61.235.576.738 |
| Thuế TNCN tạm thu | 3.142.474.390 | 3.543.621.007 |
| Thu tiền XKLD | 1.596.753.150 | 1.259.679.900 |
| CLB hưu trí | 428.023.807 | 398.023.807 |
| Ứng hộ đồng bào bão lụt | 93.996.000 | 171.996.000 |
| Liên danh Samsung-CC47 | 10.000.000.000 | 8.000.000.000 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 5.713.572.186 | 47.862.256.024 |
| Công ty Cổ phần du lịch Hàm Hồ | 122.983.317 | - |
| Công ty Cổ phần thủy điện Văn Phong | - | - |
| Cộng | 41.614.770.448 | 73.910.293.558 |

19. Vay và nợ thuê tài chính**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Bình Định (Cty XD 47) | 749.924.088.016 | 749.391.064.641 |
| Vay đối tượng khác | 604.033.035 | 620.533.035 |
| Cộng | 750.528.121.051 | 750.011.597.676 |

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/300495/HĐTD - HM ngày 01/07/2016 với hạn mức tín dụng ngắn hạn thường xuyên với số tiền tối đa là : 2.150.000.000.000 đồng (đã bao gồm hạn mức tín dụng của HĐTD số 01/2015 ngày 1/7/2015 chuyển sang) với mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, L/C (nếu có), thời hạn cấp hạn mức từ ngày 01/07/2016 đến hết ngày 30/06/2017. Các biện pháp đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp, cầm cố đã và sẽ ký kết giữa hai bên. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTD số 03/2016/300495/PLHĐTD-ĐA ngày 30/9/2016.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/300495/HĐTD - HM ngày 03/07/2017 với hạn mức tín dụng ngắn hạn thường xuyên với số tiền tối đa là : 2.150.000.000.000 đồng (đã bao gồm hạn mức tín dụng của HĐTD số 01/2016 ngày 1/7/2016 chuyển sang) với mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, L/C (nếu có), thời hạn cấp hạn mức từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 30/06/2018. Các biện pháp đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp, cầm cố đã và sẽ ký kết giữa hai bên. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P. Ngõ Mây, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho kỳ hoạt động
 từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

| b. Nợ dài hạn | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| <i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i> | <i>478.220.516.320</i> | <i>377.307.632.374</i> |
| Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Bình Định | 478.075.167.320 | 377.162.283.374 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Tây Sơn - Bình Định | 145.349.000 | 145.349.000 |
| Cộng | 478.220.516.320 | 377.307.632.374 |

Công ty Cổ phần Xây dựng 47:

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/300495/HĐTD - DA ngày 28/03/2016 với số tiền vay: 220.782.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư máy móc thiết bị thi công công trình mở rộng Nhà máy thủy điện Đa Nhim, thời hạn vay 42 tháng, lãi suất 11%/năm. Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTD số 01/2016/300495/PLHĐTD-DA ngày 25/05/2016. Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTD số 02/2016/300495/PLHĐTD-DA ngày 16/11/2016.

Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hô:

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định số tiền: 1.671.357.150 đồng theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/1319342/HĐTD ngày 28/03/2016. Mục đích vay để xây dựng khu nhà dịch vụ, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất thả nổi điều chỉnh 06 tháng một lần vào ngày 01/05 và ngày 01/11 hàng năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai nhà dịch vụ.

Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Sơn Bình Định số tiền: 145.349.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 4304-LAV-201602183 ngày 17/08/2016. Mục đích vay để xây dựng khu lều trại, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 9,3%/năm. tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trị giá 635.978.700 đồng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong:

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định theo hợp đồng vay số 01/2013/HĐDH ngày 08/07/2013 với tổng số tiền vay là: 86.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán một phần chi phí dự án thủy điện Văn Phong, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay thả nổi, được điều chỉnh 03 tháng 01 lần vào các ngày 21/02, 21/05, 21/08, 21/11 hàng năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tài sản hình thành từ vốn tự có của bên vay để đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Văn Phong.

<Xem chi tiết tăng giảm và khả năng trả nợ tại Phụ lục số 04>

20. Vốn góp chủ sở hữu**20.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại Phụ lục số 05>**

| 20.2 Chi tiết vốn cơ cấu tỷ lệ cổ đông sở hữu | Tỷ lệ | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-------|------------------------|------------------------|
| Vốn góp của các cổ đông khác | 100% | 170.201.300.000 | 170.201.300.000 |
| Cộng | | 170.201.300.000 | 170.201.300.000 |

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

| | Kỳ này | Năm trước |
|-----------------------------|-----------------|-----------------|
| - Vốn góp của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp đầu năm | 170.201.300.000 | 120.000.000.000 |
| Vốn góp tăng trong kỳ | - | 50.201.300.000 |
| Vốn góp giảm trong kỳ | - | - |
| Vốn góp cuối kỳ | 170.201.300.000 | 170.201.300.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | | |

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mỹ, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

20.4 Cổ phiếu

| | Kỳ này | Năm trước |
|---|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: | 17.020.130 | 17.020.130 |
| Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng: | 17.020.130 | 17.020.130 |
| Cổ phiếu phổ thông | 17.020.130 | 17.020.130 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: | 17.020.130 | 17.020.130 |
| Cổ phiếu phổ thông | 17.020.130 | 17.020.130 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu | | |

20.5 Các quỹ của doanh nghiệp

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 43.024.372.571 | 42.968.124.838 |
| Cộng | 43.024.372.571 | 42.968.124.838 |

Các quỹ của doanh nghiệp được trích căn cứ theo Điều lệ công ty và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp: để dự phòng rủi ro có thể xảy ra và đầu tư phát triển doanh nghiệp theo chiều sâu.

Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------------|------------|------------|
| Ngoại tệ các loại: | | |
| - Đô la Mỹ (USD) | 16.943,78 | 94.113,89 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH <đồng>**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 5.213.079.485 | 4.524.048.115 |
| Doanh thu hoạt động xây dựng | 428.180.295.579 | 658.348.412.939 |
| Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh điện | 13.084.480.020 | 3.658.119.682 |
| Dịch vụ khách sạn du lịch | 59.452.915.475 | 51.850.675.082 |
| Doanh thu nhượng bán vật tư | 2.529.132.351 | 7.549.336.420 |
| Doanh thu khác | 5.397.818.981 | 3.886.587.932 |
| Cộng | 513.857.721.891 | 729.817.180.170 |

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | | |
|--------------------------------------|------------|------------|
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | 22.851.400 | 18.675.528 |
| Công ty Cổ phần xây dựng 47 (Hải Âu) | 22.851.400 | 16.825.178 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hồ | - | 1.850.350 |

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 5.213.079.485 | 4.524.048.115 |
| Doanh thu hoạt động xây dựng | 428.180.295.579 | 658.348.412.939 |
| Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh điện | 13.084.480.020 | 3.658.119.682 |
| Dịch vụ khách sạn du lịch | 59.430.064.075 | 51.831.999.554 |
| Doanh thu nhượng bán vật tư | 2.529.132.351 | 7.549.336.420 |
| Doanh thu khác | 5.397.818.981 | 3.886.587.932 |
| Cộng | 513.834.870.491 | 729.798.504.642 |

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

4. Giá vốn hàng bán

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|------------------------|------------------------|
| Giá vốn bán hàng hóa | 6.540.372.666 | 4.215.583.437 |
| Giá vốn hoạt động xây dựng | 364.526.951.536 | 584.209.303.201 |
| Giá vốn hoạt động sản xuất kinh doanh điện | 6.329.152.416 | 5.224.460.528 |
| Giá vốn dịch vụ khách sạn du lịch | 47.476.667.362 | 39.918.441.186 |
| Giá vốn nhượng bán vật tư | 2.272.604.212 | 6.762.718.683 |
| Cộng | 427.145.748.192 | 640.330.507.035 |

5. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 20.467.048 | 558.198.944 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 3.630.000.000 | 1.742.400.000 |
| Cộng | 3.650.467.048 | 2.300.598.944 |

6. Chi phí tài chính

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Xây dựng 47 | 58.346.496.803 | 53.837.984.254 |
| Chi phí lãi vay | 52.887.816.917 | 50.048.969.380 |
| Chi phí tài chính khác | 5.458.679.886 | 3.789.014.874 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hồ | 92.000.492 | 46.348.004 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong | 4.724.007.343 | 3.328.804.108 |
| Cộng | 63.162.504.638 | 57.213.136.366 |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Xây dựng 47 | 18.187.082.193 | 17.174.488.601 |
| Chi phí cho nhân viên | 6.167.260.000 | 6.132.018.000 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.437.677.247 | 1.169.920.217 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 22.917.273 | 59.033.636 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 101.626.000 | 101.626.000 |
| Chi phí bằng tiền khác | 10.380.812.248 | 9.703.701.979 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hồ | 527.475.572 | 513.919.844 |
| CÔNG ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong | 764.832.037 | 864.583.164 |
| Cộng | 19.479.389.802 | 18.552.991.609 |

8. Thu nhập khác

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|--------------------------------|--------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Xây dựng 47 | 233.039.214 | 6.805.264.664 |
| Thanh lý, nhượng bán TSCĐ | - | 6.746.539.818 |
| Thu nhập khác | 233.039.214 | 58.724.846 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hồ | 13.570.025 | 36.832.780 |
| Cộng | 246.609.239 | 6.842.097.444 |

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

| 9. Chi phí khác | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Xây dựng 47 | 1.164.956.896 | 7.139.089.447 |
| Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý | - | 6.714.013.200 |
| Thuế bị phạt, truy thu | 81.546.596 | - |
| Chi phí khác | 1.083.410.300 | 425.076.247 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ | 2.791.636 | - |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong | 118.172 | - |
| Cộng | 1.167.866.704 | 7.139.089.447 |
| 10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | Kỳ này | Kỳ trước |
| 1. Thuế TNDN của Công ty Cổ phần Xây dựng 47 | 420.933.517 | 3.180.799.027 |
| 2. Thuế TNDN của Công ty Du lịch Hàm Hồ | 112.532.941 | 128.878.207 |
| 3. Thuế TNDN phải nộp (3 = 1 + 2) | 533.466.458 | 3.309.677.234 |
| 11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | Kỳ này | |
| 1. Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào công ty con | (757.565.555) | |
| 2. Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện | - | |
| 3. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại (3 = 1 - 2) | (757.565.555) | |
| 4. Thuế suất thuế TNDN | 20% | |
| 5. Chi phí thuế TNDN hoãn lại (5 = 3*4) | (151.513.111) | |
| 12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | Kỳ này | Kỳ trước |
| Lợi nhuận hoặc lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 5.778.935.435 | 11.761.081.752 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông | 17.020.130 | 12.000.000 |
| Lãi trên cổ phiếu | 340 | 980 |
| 13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố | Kỳ này | Kỳ trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 100.220.564.924 | 293.431.593.641 |
| Chi phí nhân công | 110.981.153.738 | 152.651.066.546 |
| Chi phí máy thi công | 42.612.914.661 | 63.338.558.877 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 55.127.859.201 | 41.623.654.208 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 122.220.978.652 | 121.106.847.017 |
| Chi phí khác bằng tiền | 32.195.678.550 | 62.587.591.925 |
| Cộng | 431.163.471.176 | 672.151.720.289 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ <đơn vị: đồng>

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Đơn vị tính: đồng

| | |
|---|-----------------|
| 1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ (MS 33) | |
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 435.693.264.859 |

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ (MS 34)

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

334.263.857.538

VIII. Những thông tin khác:

1. Công cụ tài chính:

1.1. Quản lý rủi ro:

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

1.2. Các loại công cụ tài chính:

Tài sản tài chính:

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-------------------|-------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 26.843.427.796 | 16.483.147.337 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác | 400.175.762.010 | 356.625.668.107 |
| Đầu tư ngắn hạn | 1.141.688.100 | - |
| Đầu tư dài hạn | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| Tài sản tài chính khác | - | - |
| Công nợ tài chính | | |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn | 1.228.748.637.371 | 1.127.319.230.050 |
| Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác | 357.658.699.528 | 484.306.574.624 |
| Công nợ tài chính khác | - | - |

1.3. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá do các nghĩa vụ nợ ngoại tệ (nếu có) đều được thanh toán bằng ngoại tệ.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với các ngân hàng uy tín và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh vì các khoản phải thu khách hàng chủ yếu bằng tiền mặt.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Công nợ tài chính được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu và ngày đáo hạn hợp đồng theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả:

| | Dưới 1 năm | Từ 1 đến 5 năm |
|---|-----------------|-----------------|
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 750.528.121.051 | - |
| Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác | 357.658.699.528 | - |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | - | 478.220.516.320 |
| Công nợ khác | - | - |

2. Thông tin về các bên liên quan:

| Thu nhập của các thành viên chủ chốt | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|---------------|---------------|
| Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát | 1.135.866.538 | 1.157.165.850 |

3. Trình bày doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại;
- Lĩnh vực xây lắp chính;
- Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh điện;
- Lĩnh vực dịch vụ khách sạn du lịch;
- Lĩnh vực bán vật tư;
- Lĩnh vực kinh doanh khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

* **Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận**

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Doanh thu thuần | Chi phí bộ phận | KQKD theo bộ phận |
|--|------------------------|------------------------|-----------------------|
| - Lĩnh vực kinh doanh thương mại | 5.213.079.485 | 6.540.372.666 | (1.327.293.181) |
| - Lĩnh vực xây lắp chính | 428.180.295.579 | 364.526.951.536 | 63.653.344.043 |
| - Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh điện | 13.084.480.020 | 6.329.152.416 | 6.755.327.604 |
| - Lĩnh vực dịch vụ khách sạn du lịch | 59.430.064.075 | 47.476.667.362 | 11.953.396.713 |
| - Lĩnh vực bán vật tư | 2.529.132.351 | 2.272.604.212 | 256.528.139 |
| - Lĩnh vực kinh doanh khác. | 5.397.818.981 | - | 5.397.818.981 |
| Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận | 513.834.870.491 | 427.145.748.192 | 86.689.122.299 |
| Các khoản chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | (19.479.389.802) |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết | | | |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | 3.650.467.048 |
| Chi phí tài chính | | | (62.404.939.083) |
| Thu nhập khác | | | 246.609.239 |
| Chi phí khác | | | (1.167.866.704) |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | | | (533.466.458) |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | | 151.513.111 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | 7.152.049.650 |

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cùng kỳ năm 2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CPAHANOI. Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CPAHANOI.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo.

6. Những thông tin khác**6.1 Một số chỉ tiêu tài chính**

| Chỉ tiêu | ĐVT | Kỳ này | Kỳ trước |
|---|-----|--------|----------|
| 1. Bộ trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn | | | |
| 1.1. Bộ trí cơ cấu tài sản | | | |
| - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 58,27 | 58,06 |
| - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | % | 41,73 | 41,94 |
| 1.2. Bộ trí cơ cấu vốn | | | |
| - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 86,98 | 87,00 |
| - Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | 13,02 | 13,00 |

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

| | | | | |
|--|-----|--|------|------|
| 2. Khả năng thanh toán | | | | |
| 2.1. Khả năng thanh toán tổng quát | lần | | 1,15 | 1,15 |
| 2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn | lần | | 1,08 | 1,01 |
| 2.3. Khả năng thanh toán nhanh | lần | | 0,02 | 0,01 |
| 3. Tỷ suất sinh lời | | | | |
| 3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu | | | | |
| - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu | % | | 1,47 | 2,15 |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu | % | | 1,39 | 1,61 |
| 3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản | | | | |
| - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản | % | | 0,33 | 0,71 |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | % | | 0,31 | 0,52 |

6.2 Thông tin khác

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định của thuế về việc áp dụng các quy định và chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Người lập biểu



Hồ Đình Phong

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho

TP. Quy Nhơn, ngày 28 tháng 07 năm 2017



Tổng Giám đốc



Dương Minh Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**Phụ lục số 01: Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: đồng

| (1) Đầu tư tài chính ngắn hạn | Số | | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | | Đơn vị | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
|---|---------------|-------|-------------------|-----------------------|-------------------|----------------|--------|----------------|----------------|-----------------------|----------------|
| | lượng | lượng | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | | | | | |
| Cộng | | | | | | | | | | | |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 1.141.688.100 | | | 1.141.688.100 | | | | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn (Công ty Thủy điện Hàm Hồ) | 1.141.688.100 | | | 1.141.688.100 | | | | | | | |
| (2) Đầu tư tài chính dài hạn | | | | | | | | | | | |
| | | | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> | <u>Số đầu năm</u> | <u>Giá gốc</u> | | <u>Giá gốc</u> | | <u>Giá trị hợp lý</u> | |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | Dự phòng | 40.000.000.000 | Dự phòng | 40.000.000.000 | | 40.000.000.000 | | 40.000.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (*) | | | | 26.800.000.000 | | 26.800.000.000 | | 26.800.000.000 | | 26.800.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình | | | | 13.200.000.000 | | 13.200.000.000 | | 13.200.000.000 | | 13.200.000.000 | |

(*) : Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn với số tiền: 26.800.000.000 đồng (3.041.800 CP) chiếm 8% vốn điều lệ.

(**): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình với số tiền: 13.200.000.000 đồng (1.452.000 CP) chiếm 9,28% vốn điều lệ.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Phụ lục 02: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | PTVT - truyền dẫn | Thiết bị quản lý | TSCĐ khác | Tổng cộng |
|----------------------------|------------------------|-------------------|-------------------|------------------|---------------|-------------------|
| Nguyên giá tài sản cố định | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 263.323.089.193 | 967.882.878.143 | 220.081.221.331 | 13.667.022.670 | 3.846.915.282 | 1.468.801.126.619 |
| - Mua trong kỳ | - | 52.053.162.550 | - | - | - | 52.053.162.550 |
| - XDCB hoàn thành | 766.748.615 | - | - | - | - | 766.748.615 |
| - Tăng khác | - | - | - | - | - | - |
| - Chuyển sang BĐS đầu tư | - | - | - | - | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - | - |
| - Giảm khác | - | - | 447.800.929 | - | - | 447.800.929 |
| Số dư cuối kỳ | 264.089.837.808 | 1.019.936.040.693 | 219.633.420.402 | 13.667.022.670 | 3.846.915.282 | 1.521.173.236.855 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 24.050.454.932 | 423.956.363.301 | 151.633.654.479 | 10.489.629.190 | 1.652.420.236 | 611.782.522.138 |
| - Khấu hao trong kỳ | 2.886.687.771 | 43.614.241.305 | 8.073.175.380 | 366.013.784 | 187.740.961 | 55.127.859.201 |
| - Tăng khác | 3.833.743 | - | - | - | - | 3.833.743 |
| - Chuyển sang BĐS đầu tư | - | - | - | - | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - | - |
| - Giảm khác | - | - | 45.098.301 | - | - | 45.098.301 |
| Số dư cuối kỳ | 26.940.976.446 | 467.570.604.606 | 159.661.731.558 | 10.855.642.974 | 1.840.161.197 | 666.869.116.781 |
| Giá trị còn lại của TSCĐ | | | | | | |
| - Tại ngày đầu năm | 239.272.634.261 | 543.926.514.842 | 68.447.566.852 | 3.177.393.480 | 2.194.495.046 | 857.018.604.481 |
| - Tại ngày cuối kỳ | 237.148.861.362 | 552.365.436.087 | 59.971.688.844 | 2.811.379.696 | 2.006.754.085 | 854.304.120.074 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho kỳ hoạt động
 từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

17a,b. Phụ lục 03: Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Phát sinh trong kỳ | | Số cuối kỳ | | Đơn vị tính: đồng |
|--|----------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|--------------------|-------------------|
| | Phải thu | Phải nộp | Số phải nộp | Số thực nộp | Phải thu | Phải nộp | |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 26.306.900 | 15.730.793.942 | 14.993.214.294 | - | - | 763.886.548 |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | - | 1.722.380 | 45.702.800 | 44.567.836 | - | - | 2.857.344 |
| Thuế xuất nhập khẩu | - | - | 305.938.829 | 305.938.829 | - | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.161.350.517 | - | 533.466.458 | - | 2.661.592.523 | - | 33.708.464 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | - | 832.646.880 | 832.646.880 | - | - | - |
| Thuế tài nguyên | - | - | 1.615.580.246 | 1.485.928.769 | - | - | 129.651.477 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | - | 1.778.103.741 | 1.778.103.741 | - | - | - |
| Các loại thuế khác | 37.166.827 | - | 534.704.235 | 534.704.235 | 37.166.827 | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 1.924.700 | 252.208.488 | 250.283.788 | 149.123.000 | 10.306.000 | - |
| Cộng | 3.198.517.344 | 29.953.980 | 21.629.145.619 | 20.225.388.372 | 2.847.882.350 | 940.409.833 | |

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho kỳ hoạt động
 từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

19. Phụ lục 04: Chi tiết tăng giảm và khả năng trả nợ

Đơn vị tính: đồng

| Vay và nợ thuê tài chính | Số cuối kỳ | | Phát sinh trong kỳ | | Số đầu năm | |
|--|--------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a. | | | | | | |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 750.528.121.051 | 750.528.121.051 | 305.907.348.913 | 305.390.825.538 | 750.011.597.676 | 750.011.597.676 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định | 749.924.088.016 | 749.924.088.016 | 305.905.848.913 | 305.372.825.538 | 749.391.064.641 | 749.391.064.641 |
| Vay đối tượng khác | 604.033.035 | 604.033.035 | 1.500.000 | 18.000.000 | 620.533.035 | 620.533.035 |
| b. | | | | | | |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 478.220.516.320 | 478.220.516.320 | 129.785.915.946 | 28.873.032.000 | 377.307.632.374 | 377.307.632.374 |
| Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Bình Định: | 478.075.167.320 | 478.075.167.320 | 129.785.915.946 | 28.873.032.000 | 377.162.283.374 | 377.162.283.374 |
| Công ty CP XD 47 vay | 396.257.783.226 | 396.257.783.226 | 129.785.915.946 | 27.600.000.000 | 294.071.867.280 | 294.071.867.280 |
| Công ty CP Thủy điện Văn Phong vay | 80.506.026.944 | 80.506.026.944 | - | 1.000.000.000 | 81.506.026.944 | 81.506.026.944 |
| Công ty CP Du lịch Hàm Hồ vay | 1.311.357.150 | 1.311.357.150 | - | 273.032.000 | 1.584.389.150 | 1.584.389.150 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Tây Sơn- Bình Định (Công ty CP Hàm Hồ) | 145.349.000 | 145.349.000 | - | - | 145.349.000 | 145.349.000 |
| Cộng | 1.228.748.637.371 | 1.228.748.637.371 | 435.693.264.859 | 334.263.857.538 | 1.127.319.230.050 | 1.127.319.230.050 |

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

37
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47
 QUẢN LÝ VÀO NGÀY 30/06/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08, Biên Cương, P. Ngô Mây, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Phụ lục 05: Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: đồng

| Nội dung | Vốn đầu tư chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác thuộc chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Tổng cộng |
|----------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| 1. Số dư đầu năm trước | 120.000.000.000 | 30.190.801.117 | 10.449.146.977 | 41.474.601.762 | 21.724.229.668 | 37.407.968.364 | 261.246.747.888 |
| - Tăng vốn trong năm trước | 50.201.300.000 | - | - | - | - | - | 50.201.300.000 |
| - Lãi trong năm trước | - | - | - | - | 3.136.397.295 | - | 3.136.397.295 |
| - Tăng khác | - | 4.040.260.000 | - | 1.493.523.076 | 5.506.889.401 | - | 11.040.672.477 |
| - Phân phối trong năm trước | - | - | - | - | - | - | - |
| - Lỗ trong năm trước | - | - | - | - | - | - | - |
| - Giảm khác | - | 1.550.853.023 | 10.449.146.977 | - | 14.646.063.020 | 5.369.645.492 | 32.015.708.512 |
| 2. Số dư cuối năm trước | 170.201.300.000 | 32.680.208.094 | - | 42.968.124.838 | 15.721.453.344 | 32.038.322.872 | 293.609.409.148 |
| 3. Số dư đầu năm nay | 170.201.300.000 | 32.680.208.094 | - | 42.968.124.838 | 15.721.453.344 | 32.038.322.872 | 293.609.409.148 |
| - Tăng vốn trong kỳ này | - | - | - | - | - | - | - |
| - Lãi trong kỳ | - | - | - | - | 6.536.500.990 | 615.548.660 | 7.152.049.650 |
| - Tăng khác | - | - | - | 56.247.733 | 1.228.225.434 | 17.423.168 | 1.301.896.335 |
| - Giảm vốn trong kỳ | - | - | - | - | - | - | - |
| + Trả cổ tức | - | - | - | - | - | - | - |
| + Trích Quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | - | - | - | - |
| + Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | - | - | - |
| - Lỗ trong kỳ | - | - | - | - | - | - | - |
| - Giảm khác | - | - | - | - | 2.001.146.999 | 142.711.256 | 2.143.858.255 |
| 4. Số dư cuối kỳ | 170.201.300.000 | 32.680.208.094 | - | 43.024.372.571 | 21.485.032.769 | 32.528.583.444 | 299.919.496.878 |

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho kỳ hoạt động
 từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Phụ lục số 06: Bảng xác định Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

| TT | Chỉ tiêu | Vốn chủ sở hữu | Công ty cổ phần Xây dựng 47 | Đơn vị tính: đồng | |
|----|--------------------------------|-----------------------|-----------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| | | | | Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | Lợi ích của cổ đông không kiểm soát |
| 1 | Vốn góp của Chủ sở hữu | 100.000.000.000 | 61.460.000.000 | 38.540.000.000 | |
| | Công ty CP Thủy điện Văn Phong | 90.000.000.000 | 53.825.000.000 | 36.175.000.000 | |
| | Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ | 10.000.000.000 | 7.635.000.000 | 2.365.000.000 | |
| 2 | Quỹ đầu tư phát triển | 410.148.988 | 313.148.752 | 97.000.236 | |
| | Công ty CP Thủy điện Văn Phong | 410.148.988 | 313.148.752 | 97.000.236 | |
| | Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ | | | | |
| 3 | Lợi nhuận chưa phân phối | (15.013.597.905) | (8.905.181.113) | (6.108.416.792) | |
| | Công ty CP Thủy điện Văn Phong | (15.463.729.669) | (9.248.856.715) | (6.214.872.954) | |
| | Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ | 450.131.764 | 343.675.602 | 106.456.162 | |
| | Cộng | 84.986.402.095 | 52.554.818.887 | 32.528.583.444 | |